

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ TÂY NINH  
TỈNH TÂY NINH

Bản án số: 06/2025/HNGĐ-ST

Ngày 10-02-2025

V/v ly hôn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂY NINH, TỈNH TÂY NINH

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lâm Thị Thanh Hằng.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Võ Tòng Quân.
- Ông Nguyễn Minh Hoàng.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Tạ Thị Thảo Vy là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Bà Dương Thị Tiểu Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 519/2024/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2024 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trần Văn L, sinh năm 1963; nơi cư trú: Khu phố X, Phường Y, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh. (vắng mặt)

- *Bị đơn:* Bà Phạm Thị Tố Q, sinh năm 1983; nơi cư trú: Khu phố X, Phường Y, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh. (vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 19/6/2024, lời khai có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn ông Trần Văn L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Trước đây, ông từng có một người vợ nhưng đã ly hôn vào khoảng năm 1999-2000. Sau đó, do làm công trình nên ông và bà Q có quen biết, có tình cảm và sống chung với nhau vào khoảng năm 2002-2003, đến ngày 01/6/2009 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hà, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh và sống tại xã Tân Hà, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Đến năm 2008, vợ chồng chuyển về sống tại khu phố X, Phường Y, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, ông nghi ngờ bà Q ngoại tình, bà Q không quan tâm, chăm sóc ông. Vợ chồng ly thân từ năm 2020 đến nay, mỗi người đều tự lo cho bản thân mình. Ông có mượn trang trại ở huyện Châu Thành để làm nên ông đều ở tại trang trại. Do nhà số 57, đường Trưng Nữ Vương, khu phố 5, Phường 1, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh là của anh ruột ông nên thỉnh thoảng ông có ghé qua nhà để kiểm tra khoảng 15 đến 30 phút. Xét thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Phạm Thị Tố Q.

Về con chung: có 01 con chung là Trần Phú Q1, sinh ngày 23/10/2003. Con chung đã trưởng thành nên ông không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản: ông không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản khi ly hôn.

Nợ chung: vợ chồng ông không có nợ chung.

Theo lời khai có trong hồ sơ vụ án bị đơn bà Phạm Thị Tố Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Trần Văn L chung sống có đăng ký kết hôn ngày 01/6/2009 tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hà, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Từ lúc kết hôn đến nay, ông L sinh sống ở Châu Thành, hai ba ngày về một lần ở địa chỉ khu phố 5, Phường 1, thành phố Tây Ninh. Vợ chồng không có mâu thuẫn. Nay ông L yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, bà không đồng ý.

Về con chung: có 01 con chung là Trần Phú Q1, sinh ngày 23/10/2003. Con chung đã trưởng thành nên bà không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản: bà không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản khi ly hôn.

Nợ chung: vợ chồng bà không có nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý đến khi giải quyết vụ án. Các

đương sự chấp hành đầy đủ các quy định pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng.

- Về nội dung:

+ Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho ông L và bà Q được ly hôn.

+ Về con chung: Con chung là Trần Phú Q1, sinh ngày 23/10/2003 đã trưởng thành, ông L và bà Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về tài sản: Ghi nhận ông L và bà Q không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản khi ly hôn.

+ Nợ chung: Ghi nhận ông L và bà Q trình bày không có.

+ Về án phí: Nguyên đơn được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông L là nguyên đơn, vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; bà Q là bị đơn, vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, theo khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ông L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà Q; bà Q cư trú tại thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

[3.1] Ông L và bà Q chung sống có đăng ký kết hôn vào ngày 01/6/2009 tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hà, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh nên quan hệ hôn nhân giữa ông L và bà Q hợp pháp.

[3.2] Qua lời trình bày của ông L, bà Q và lời khai của người làm chứng ông Trần Văn N (bút lục 31) thấy rằng: Quá trình chung sống thực tế có xảy ra mâu thuẫn, chủ yếu là do có sự bất hòa trong đời sống vợ chồng, không có sự

đồng nhất về cách nghĩ cũng như về lối sống, sinh hoạt, từ đó thiếu sự tin tưởng và không thông cảm, chia sẻ với nhau làm cho tình cảm vợ chồng bị ảnh hưởng và không giải quyết được. Ông L và bà Q đã sống ly thân.

[3.3] Quá trình giải quyết vụ án, ông L vẫn cương quyết ly hôn, bà Q không đồng ý ly hôn nhưng không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng được ông L chấp nhận. Như vậy, có căn cứ về việc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L, cho ông L và bà Q ly hôn.

[4] Về con chung: Ông L và bà Q có 01 con chung là Trần Phú Q1, sinh ngày 23/10/2003. Con chung đã trưởng thành, ông L và bà Q không yêu cầu giải quyết nên ghi nhận.

[5] Về tài sản: Ông L và bà Q không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản khi ly hôn nên ghi nhận.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 12, Điều 14, Điều 15, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Ông L là nguyên đơn được miễn án phí dân sự sơ thẩm; bà Q không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 12, Điều 14, Điều 15, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Trần Văn L đối với bà Phạm Thị Tố Q.

Ông Trần Văn L được ly hôn với bà Phạm Thị Tố Q.

2. Về con chung:

Con chung là Trần Phú Q1, sinh ngày 23/10/2003 đã trưởng thành, ông Trần Văn L và bà Phạm Thị Tố Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản:

Ông Trần Văn L và bà Phạm Thị Tố Q không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản khi ly hôn.

4. Về án phí:

Ông Trần Văn L được miễn nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm và được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Phòng KTNV. TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thành phố Tây Ninh;
- Chi cục THADS thành phố Tây Ninh;
- Đương sự;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lâm Thị Thanh Hằng**